

Số: 158 /CBTT-HHC

Nghệ An, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Trụ sở chính: Tầng 9 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983552266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2018 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu VT.

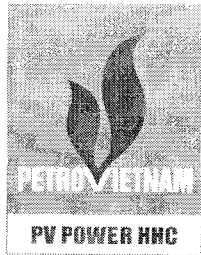
Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2018

**Người thực hiện công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC**



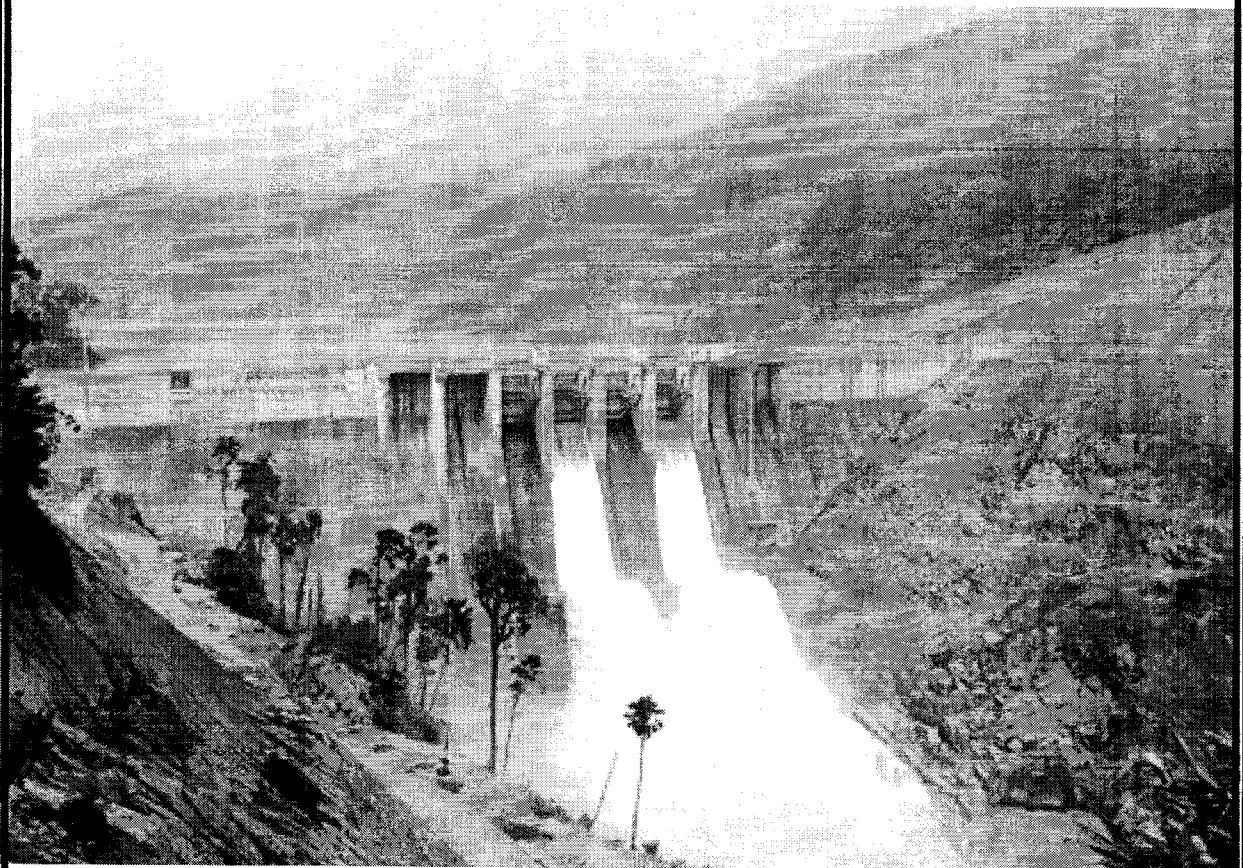
Nguyễn Xuân Sơn



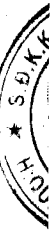
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



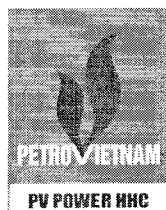
Nghệ An, tháng 3 năm 2019



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**
- Tên tiếng Anh: **HUA NA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **HHC**
- Logo:



- Giấy CNĐKKD: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 8 ngày 29/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 2.256.592.100.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.256.592.100.000 đồng
- Số điện thoại: 02383.588.766
- Số fax: 02383.588.767
- Website: <http://huana.com.vn>
- Mã chứng khoán: **HNA**



2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là chủ đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Hủa Na trên thượng nguồn sông Chu thuộc địa phận xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Đây là dự án nằm trong chương trình trọng điểm phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh năng lượng của Quốc gia nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

✚ Các mốc thời gian phát triển:

- Ngày 19/01/2006, Dự án Thủy điện Hủa Na được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư tại Văn bản số 129 TTg-CN.
- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na được thành lập bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 8/6/2007, Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na được chấp thuận là Chủ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hủa Na theo văn bản số 3143/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, với hình thức đầu tư: Xây dựng - Vận hành - Sở hữu (BOO).
- Ngày 27/7/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP) trở thành cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.
- Ngày 28/3/2008, Dự án thủy điện Hủa Na được khởi công xây dựng tại xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Ngày 01/02/2013, Tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Hủa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 27/3/2013, Tổ máy số 2 Nhà máy Thủy điện Hủa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 17/7/2013, Công trình Thủy điện Hủa Na chính thức hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Ngày 22/8/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (mã chứng khoán HNA) đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 163/2017/GCNCP-VSD.



- Ngày 28/9/2017, Cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 824/QĐ-SGDHN với phiên giao dịch đầu tiên là ngày 05/10/2017.

Hiện nay Công ty Cổ phần Thủy điện vẫn đang thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng.

⚡ Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200 tỷ đồng.
- Ngày 05/3/2009, đăng ký thay đổi lần 1, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2012, đăng ký thay đổi lần 4, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2015, đăng ký thay đổi lần 7, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2016 đăng ký thay đổi lần 8, giảm số vốn điều lệ của Công ty về vốn điều lệ thực góp là 2.256.592.100.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, mua bán điện năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu: Cho thuê văn phòng.
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng.
- Khai thác quặng sắt.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện.
- Bán buôn tổng hợp.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

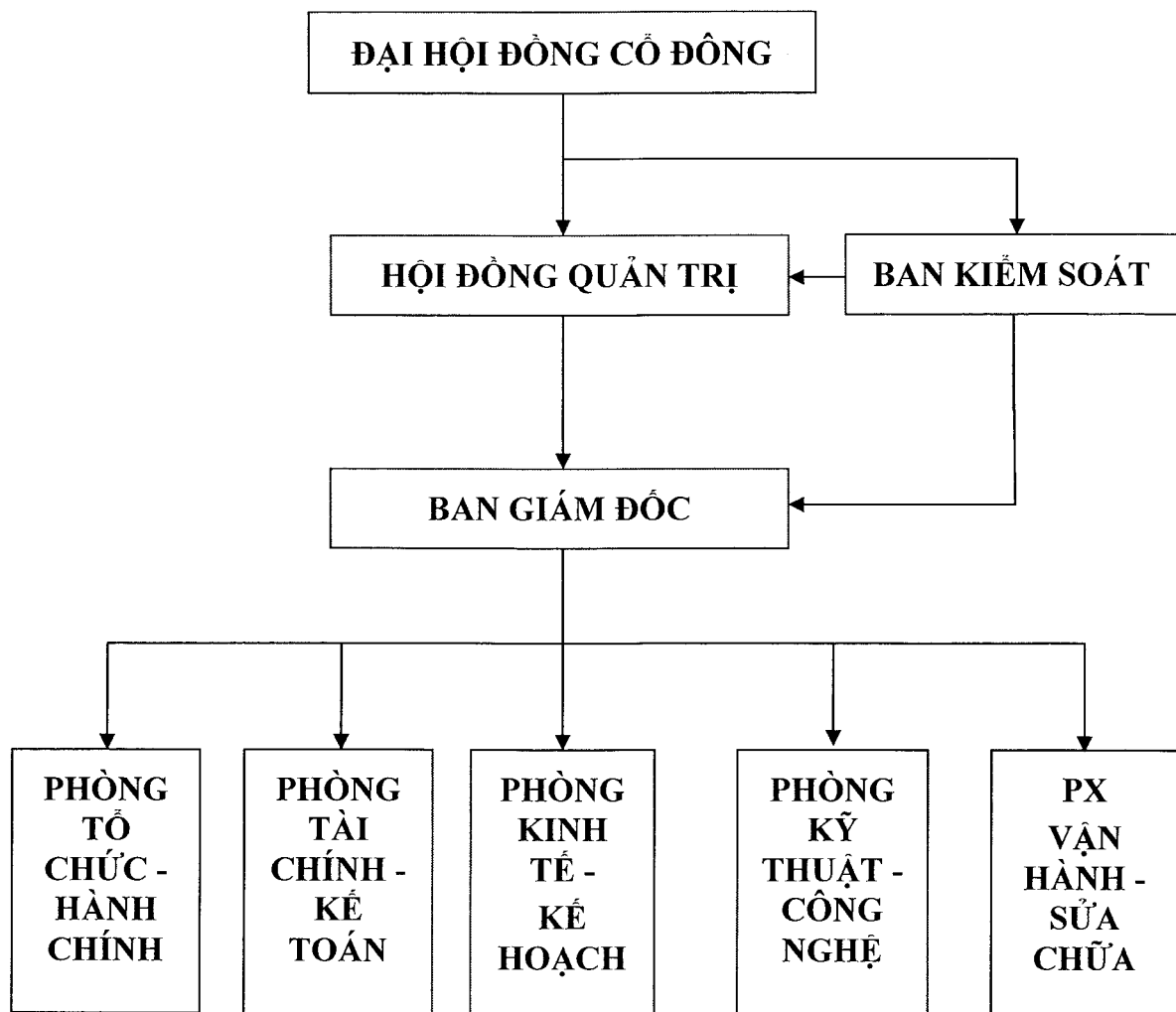
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Dịch hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

3.2. Địa bàn hoạt động

Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na hiện đang quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giao dịch mua bán điện cũng như các quan hệ với các đối tác, ngày 15/4/2013 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na chuyển trụ sở chính về Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý





4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na (ĐHĐCD) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCD bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCD quy định.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 01 (một) Trưởng ban chuyên trách và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4.4. Ban giám đốc

Ban giám đốc của Công ty gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

4.5. Khối điều hành

4.5.1. Phòng Tổ chức – Hành chính.

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; Công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; chào giá điện, mua bán vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ thuật – Công nghệ

Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa

Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa gồm 02 bộ phận: bộ phận trực tiếp thực hiện công tác vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na và bộ phận sửa chữa các thiết bị của nhà máy khi hỏng hóc hoặc đến thời gian bảo trì.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực thủy điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.



- Xây dựng chiến lược chào giá điện “linh hoạt” để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường điện. Đây cũng chính là quá trình đơn vị tự "chuyên nghiệp hóa", nâng cao uy tín, sức mạnh cho mình, chuẩn bị cho việc tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổ thị trường để nắm bắt thị trường nhanh nhạy, biết phân tích đánh giá và am hiểu các quy luật của thị trường; có khả năng phân tích hệ thống và nắm vững các đặc tính vận hành hồ chứa, thu thập, nắm bắt tình hình thủy văn qua các năm vận hành để có chiến lược chào giá phù hợp với từng giai đoạn, đem lại hiệu quả doanh thu cao nhất cho Công ty.
- Tăng cường học hỏi, phối hợp tốt và kịp thời với các đơn vị mua bán điện, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực để khai thác tối đa lợi thế trên thị trường điện như: Có chiến lược chào giá hợp lý, phân bổ sản lượng Qc phù hợp với chế độ thủy văn của Nhà máy, thời gian thanh toán tiền điện nhanh nhất, tối ưu hóa công suất các tổ máy.
- Tiếp tục thực hiện vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy theo đúng định kỳ, thời điểm thích hợp tránh làm ảnh hưởng đến thời điểm phát điện hiệu quả của Nhà máy.
- Tiếp tục nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành, để chủ động hơn trong việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên Nhà máy.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

⚡ 2018-2020:

- Đảm bảo các tổ máy Nhà máy thủy điện Hòa Na vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, khai thác tối ưu lượng nước về hồ chứa Hòa Na.
- Có chiến lược hợp lý, có hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường điện bán buôn cạnh tranh.
- Đầu tư sửa chữa và thay mới các thiết bị của nhà máy; thường xuyên duy trì bảo trì các công trình đường giao thông, hệ thống đập.
- Tăng cường công tác học hỏi, đào tạo cán bộ kỹ thuật để chủ động trong công tác vận hành và sửa chữa thiết bị của Nhà máy.

⚡ 2020-2030

- Duy trì vận dụng tối đa khả năng phát điện của nhà máy thủy điện Hòa Na
- Tiến tới phát triển dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực cung cấp đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ sửa chữa nhà máy thủy điện.
- Tham gia đầu tư các lĩnh vực điện.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản hàng năm và lợi nhuận để lại công ty có thể chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

✦ Tăng trưởng kinh tế:

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

✦ Lạm phát:

Theo đánh giá chung thì tỷ giá lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện do giá điện bán lẻ tại Việt Nam vẫn do Chính phủ Việt Nam quản lý và điều hành.

6.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số loại cơ bản như luật Doanh nghiệp, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... và liên quan đến ngành Điện lực; Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

6.3. Rủi ro về thời tiết

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.



Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch,...là những rủi ro do bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC ...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH 2018	TH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	734,35	650,35	808,17	124%	110%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	656,37	660,46	883,23	134%	135%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	640,48	653,49	662,09	101%	103%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	15,88	6,97	221,14	3173%	1392%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	135,17	138,44	193,87	140%	143%



↓ **Tình hình sản xuất điện**

Năm 2018 tình hình thủy văn tương đối thuận lợi và tốt hơn nhiều so với các năm trước liền kề, kết hợp giá điện thị trường trung bình tương đối cao, đồng thời nhà máy đã tính toán chào giá, điều tiết hồ chứa hợp lý và vận hành nhà máy an toàn, nên Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra, cụ thể:

- Ngày 07/10/2018 sản lượng điện Nhà máy thủy điện Hòa Na đã đạt 651,5/650,3 triệu kwh, hoàn thành 100% kế hoạch năm, doanh thu trước thuế phí đạt 601,9/587,3 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm. Như vậy Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu trước 85 ngày.

- Kết thúc năm 2018 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 24% (vượt sản lượng điện theo thiết kế), doanh thu vượt 32% so với kế hoạch.

Dù sản lượng điện năm 2018 phát lớn, nhưng đến ngày 31/12/2018 mực nước hồ chứa Thủy điện Hòa Na vẫn được tính toán để đạt cao trình ~240m, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh năm 2019 được thuận lợi.

↓ **Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa.**

- Công tác vận hành: Năm 2018 nhà máy Thủy điện Hòa Na vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Hoàn thành công tác Tiểu tu 2 tổ máy từ ngày 01/4/2018 đến ngày 30/4/2018 đúng tiến độ, các hệ thống thiết bị sau bảo dưỡng đạt yêu cầu về kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chí về vận hành trong hoạt động phát điện.

- Bảo trì công trình xây dựng: Năm 2018 Nhà máy đã thực hiện đào xúc, khơi thông hệ thống rãnh thoát nước một số tuyến đường vận hành, một số vị trí rãnh thoát nước mái cơ Nhà máy; Vệ sinh nội ngoại thất Nhà máy tại những vị trí, khu vực phù hợp,...Phối hợp, giám sát với đơn vị dịch vụ thực hiện: Khơi thông kênh xả hạ lưu nhà máy; mở rộng, sửa chữa, cải tạo, làm hàng rào nơi ở và làm việc cho cán bộ công nhân viên; xây dựng xưởng gia công cơ khí; bảo trì hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành; phát quang tuyến đường dây 35kV; Xúc dọn các hạng mục công trình bị thiệt hại sau mùa mưa bão; Trồng cỏ mái cơ đập chính và mái hạ lưu đập phụ nhà



máy; Quan trắc biến dạng chu kỳ 2 và đánh giá trạng thái hạng mục công trình; Sơn bảo trì hệ thống thiết bị nhà máy.

- Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ tiêu tu và bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên của nhà máy: Năm 2018 Công ty đã tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và sửa chữa thường xuyên đáp ứng theo kế hoạch. Thiết bị mua sắm đạt yêu cầu về chất lượng, tiến độ phục vụ trong quá trình sửa chữa.

✦ **Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác**

- Công tác quyết toán: Sau khi hoàn thành quyết toán vốn giai đoạn 1 với giá trị 6.474,3 tỷ đồng, đến nay Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán vốn bổ sung đến 31/12/2018 với giá trị đạt 187,15/256,5 tỷ đồng. Phần việc còn lại với giá trị khoảng 69,3 tỷ đồng thuộc các nội dung Bồi thường TĐC đang thực hiện và sẽ được quyết toán khi hoàn thành trong năm 2019.

- Công tác bồi thường TĐC còn lại:

+ Hỗ trợ lương thực ổn định đời sống: Đã hoàn thành cấp phát lương thực với thời gian hỗ trợ theo quy định là 48 tháng, do các nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành công tác giao đất. Về việc tiếp tục hỗ trợ lương thực cho người dân ngoài thời gian 48 tháng Công ty đang báo cáo các cấp thẩm quyền chỉ đạo.

+ Bồi thường do đối trừ giá trị đất tại nơi đi và nơi đến: Đã hoàn thành chi trả bồi thường và quyết toán kinh phí đối trừ đất thổ cư tại 8/13 điểm tái định cư với giá trị 9,22 tỷ đồng và hoàn thành phương án bồi thường đối trừ đất thổ cư đang tiến hành chi trả tại 02/5 điểm tái định cư còn lại.

+ Công tác giao đất tái định cư: Đã hoàn thành giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa cho 23/78 hộ của điểm tái định cư tiếp theo (điểm thứ 12/13 điểm tái định cư); Tại 8 điểm TĐC đã có ruộng lúa nước, thực hiện hỗ trợ phục hóa đã hoàn thành hỗ trợ, giao đất tại 7/8 điểm TĐC; Tại 5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng đã hoàn thành giao đất lúa nước cho 4/5 điểm tái định cư phải xây dựng đồng ruộng.

+ Đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm và lâu năm khác: Đã hoàn thành giao đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm và lâu năm khác ngoài thực địa tại 13/13 điểm tái định cư. Hiện tại còn đang vướng mắc một phần diện tích đã giao còn rừng, UBND tỉnh đang yêu cầu tìm diện tích khác không có rừng giao thay thế.

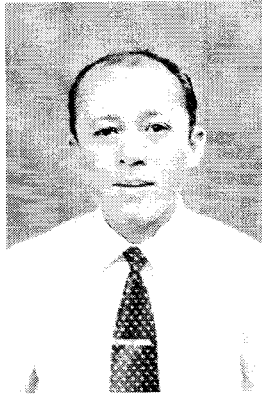
2. Tổ chức nhân sự.**2.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban điều hành.**

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT - Giám đốc
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT- Phó giám đốc
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT
II	Ban điều hành	
1	Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc
3	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
4	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc
5	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng
III	Ban Kiểm soát	
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Tóm tắt lý lịch:

↓ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Hoàng Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lạc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3/2 ngõ 39 đường Vạn An, Khối Liên Cơ, Hưng Bình, Vinh, Nghệ An
- Số CMND: 181929789; ngày cấp: 20/12/2007; nơi cấp: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 9/1990 ÷ 8/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ Tĩnh
 - 9/1991 ÷ 4/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Hà Tĩnh
 - 5/1993 ÷ 5/2007: Thanh tra viên, thanh tra chính, phó chánh thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ An
 - 5/2007 ÷ 12/2014: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 01/2015 ÷ 4/2018: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện 859.227.600 cổ phần chiếm 38,076% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: Không



Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc



- Ngày sinh: 12/4/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa
- Số CMND: 013263779; ngày cấp: 6/02/2010; nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

- Quá trình công tác:
 - 7/1989 ÷ 5/1995: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Dầu tầm tư Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 - 6/1995 ÷ 8/1996: Trưởng phòng vật tư - Tổng Công ty Dầu tầm tư Bảo Lộc.
 - 9/1996 ÷ 12/1997: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Đường tại Thạch Thành, Thanh Hóa.
 - 01/1998 ÷ 7/1999: Cán bộ KT - Nhà máy Đường Quỳnh Hợp, Nghệ An.
 - 7/1999 ÷ 10/2001: Trưởng phòng kỹ thuật - Văn phòng đại diện Lilama tại công trình nhà máy xi măng Hoàng Mai
 - 11/2001 ÷ 2/2004: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.
 - 3/2004 ÷ 10/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Xi măng Thăng Long.
 - 11/2005 ÷ 6/2007: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.
 - 7/2007 ÷ 10/2014: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 11/2014 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: Không

Ông Nguyễn Xuân Sơn – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

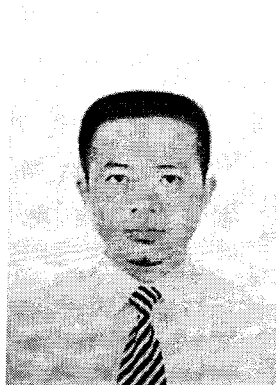


- Ngày sinh: 11/6/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số CMND:181287190; Ngày cấp: 29/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa:10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 7/1987 ÷ 6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3/2, Nghệ An.
 - 7/1990 ÷ 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3/2, Nghệ An
 - 01/1998 ÷ 4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 32, Nghệ An
 - 5/2004 ÷ 3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3/2, Nghệ An
 - 4/2007 ÷ 8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh
 - 8/2007 ÷ 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
 - 1/2008 ÷ 4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
 - 4/2016 ÷ 4/2018: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hủa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không



Ông Lê Hải Long – Thành viên HĐQT



- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hòa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: A18 TT15 khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Số CMND: 001071004126 ngày cấp: 05/5/2015 nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 01/1996 ÷ 8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay
 - 8/2001 ÷ 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte
 - 11/2007 ÷ 07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
 - 7/2008 ÷ 6/2012: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Chuyên viên ban Tài chính kế toán và kiểm toán
 - 6/2012 ÷ Hiện tại: Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - 6/2012 ÷ 6/2013: Thành viên BKS - Công ty CP thủy điện Hòa Na
 - 06/2013 ÷ 4/2018: Trưởng BKS - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT – Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: không

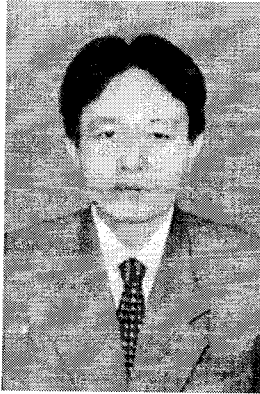
Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 05/07/1972
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: Nhà 27, ngõ 265, Ngõ Xuân Quảng, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
 - Hộ chiếu: B8232057, ngày cấp: 14/8/2013 nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh.
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
-
- Quá trình công tác:
 - 1989 ÷ 1990: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
 - 1990 ÷ 2002: Sinh viên, nghiên cứu sinh – Học viện Nông nghiệp Moskva Liên Bang Nga
 - 2003 ÷ 2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 2005 ÷ 2007: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc
 - 2007 ÷ Hiện tại: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt;
 - Tháng 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,85% vốn điều lệ (đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt)
 - + Những người có liên quan: không



Ông Trần Văn Biên - Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 05/02/1961
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Số CMND: 113346612; ngày cấp: 22/3/2006; nơi cấp: CA Hòa Bình
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ nhiệt luyện

- Quá trình công tác:
 - 12/1984 ÷ 4/1995: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lilama 10
 - 5/1995 ÷ 5/2006: Đội trưởng thi công - Công ty Lilama 10
 - 6/2006 ÷ 9/2006: Phó trưởng phòng KTKT - Công ty Lilama 10
 - 10/2006 ÷ 6/2007: Chỉ huy trưởng công trình - Công ty Lilama 10
 - 06/2007 ÷ 11/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 12/2011 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không

Ông Bùi Huy Thành – Phó giám đốc



- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1705, Chung cư Green view, Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An;
- Số CMND: 182543016; ngày cấp: 31/3/2000; Nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
 - 8/2006 ÷ 7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
 - 7/2007 ÷ 7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 7/2009 ÷ 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 11/2011 ÷ 06/2013: Trưởng phòng KT - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 06/2013 ÷ 4/2018: Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 8/2018 ÷ Hiện tại: Phó giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Những người có liên quan: không

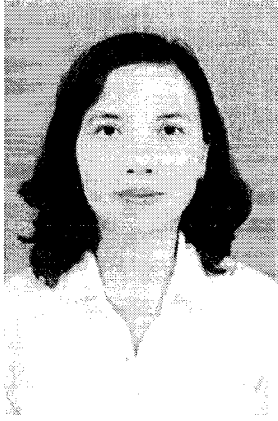
Ông Võ Trung Chính - Kế toán trưởng



- Ngày sinh: 08/5/1974
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú: số nhà 03 đường Nguyễn Sỹ Quế, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
 - Số CMND: 181936068; ngày cấp: 22/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- 02/1995 ÷ 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
 - 7/2003 ÷ 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
 - 8/2007 ÷ 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 01/2015 ÷ Hiện tại: Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không

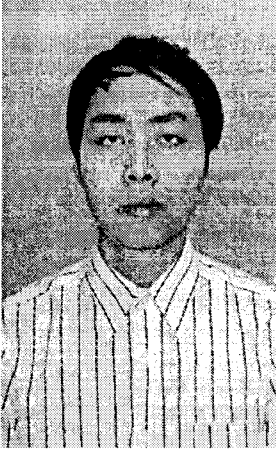
↓ BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Thu Hà – Trưởng Ban kiểm soát

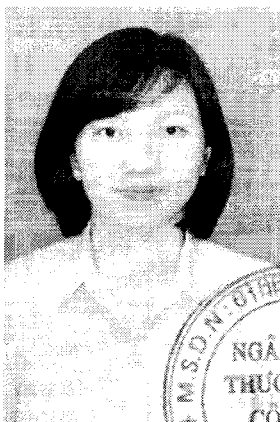


- Ngày sinh: 23/9/1983
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
 - Địa chỉ thường trú: Khối 14, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
 - Số CMND: 186021198; ngày cấp: 29/12/2015; nơi cấp: CA Nghệ An
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 08/2006 ÷ 6/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 – Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào
 - 06/2007 ÷ 10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
 - 10/2017 ÷ 04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
 - 04/2018 ÷ Hiện tại: Trưởng BKS - Công ty CP thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.625 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0%
 - + Những người có liên quan: không

Ông Văn Tuấn Thạch – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 10/01/1983
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú: Nhà 5 ngõ 53 – phố Dịch Vọng – Cầu giấy – Hà Nội
 - Số CMND: 040083000657; Ngày cấp: 30/3/2017
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và kiểm toán
-
- Quá trình công tác:
 - 12/2008 ÷ 10/2010 Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 10/2010 ÷ Hiện tại: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Những người có liên quan: không

Bà Phạm Thị Minh Tâm – Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 16/02/1977
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P204 – D18 TT Phương Mai, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 040177000436; Ngày cấp: 08/05/2017
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đầu tư, Thạc sỹ Quản lý dự án Đầu tư

- Quá trình công tác:
 - 09/1999 ÷ 02/2004: Phòng Kinh tế - Viện nghiên cứu Thủy Sản – Bộ Thủy Sản
 - 02/2004 ÷ 12/2004: Tham gia khóa học tiền du học theo chương trình học bổng của chính phủ Úc
 - 03/2005 ÷ 7/2007: Học chương trình thạc sỹ Quản lý dự án tại Trường Đại học Queensland, Úc
 - 05/2008 ÷ 03/2012: Trưởng bộ phận/chuyên viên – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 04/2012 ÷ 06/2015: Thành viên chuyên trách VP Triển khai chiến lược – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 07/2015 ÷ Hiện tại: Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 04/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Nà
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Những người có liên quan: không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ngày 31/7/2018 miễn nhiệm chức vụ PGĐ đối với ông Hoàng Xuân Thành
- Ngày 10/8/2018 bổ nhiệm chức vụ PGĐ đối với ông Bùi Huy Thành

2.4. Nguồn nhân lực:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
-	Nam	99	84,62%
-	Nữ	18	15,38%
2	Theo hợp đồng lao động:		
-	Toàn thời gian	117	100%
-	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
-	Đại học và trên đại học	54	46,15%
-	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	48	41,03%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	8,55%
-	Phổ thông	5	4,27%
4	Theo chức vụ:		
-	Quản lý	12	10,26%
-	Văn phòng	43	36,75%
-	Công nhân	62	52,99%
	TỔNG SỐ	117	





Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ chiếm số ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15,38% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 52,99%.

Đa số nhân sự của Công ty có trình độ đại học trở lên, chiếm 46,15% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 41,03% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Năm 2018 Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng khu nhà ở tập thể 12 gian và 06 gian cùng hệ thống hạ tầng sân vườn, điện nước; Hoàn thành xây dựng sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân cầu lông; Hiện tại Công ty đã và đang xây dựng, hoàn thiện 2 dãy nhà tổng cộng 18 gian theo kế hoạch bổ sung được duyệt, đảm bảo nhu cầu làm việc, ăn ở và sinh hoạt cho CBCNV tại Nhà máy.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	4.861.611.173.053	4.707.774.510.872	-3,16%
Doanh thu thuần	653.292.086.795	875.057.646.614	33,95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.250.751.916	220.513.807.808	1256,95%
Lợi nhuận khác	-367.048.000	628.668.143	
Lợi nhuận trước thuế	15.883.703.916	221.142.475.951	1292,26%
Lợi nhuận sau thuế	15.883.703.916	217.416.073.774	1268,80%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Thay đổi
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,48	0,58	122,9%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,47	0,55	117,8%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,54	0,48	88,7%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,16	0,91	78,4%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	128,43	37,97	29,6%
	Vòng quay khoản phải thu	12,47	9,32	74,8%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13	0,18	133,9%
4	Chỉ tiêu khả năng về sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,02	0,25	1021,9%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,01	0,09	1302,1%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,00	0,05	1406,7%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	0,02	0,25	1013,1%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**5.1. Cổ phần.**

Tại thời điểm 27/3/2018, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty: 2.256.592.100.000 đồng.
- Tổng số cổ phần niêm yết: 225.659.210 cổ phần
- Tổng số cổ phần lưu hành: 225.659.210 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 225.659.210 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần

**5.2. Cơ cấu Cổ đông:**

Theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	(Tỷ lệ %)
1	Cổ đông trong nước	225.624.110	99,98%
	- Tổ chức	223.797.095	99,17%
	- Cá nhân	1.827.015	0,81%
2	Cổ đông nước ngoài	35.100	0,02%
	- Tổ chức	35.100	0,02%
	- Cá nhân	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	189.872.760	84,14%
2	Cổ đông sáng lập	198.592.787	88,01%
3	Cổ đông lớn (sở hữu \geq 5% vốn CP)	201.422.760	89,26%
	- Trong nước	201.422.760	89,26%
	- Nước ngoài	0	0%
4	Các cổ đông khác	24.236.450	10,74%
	- Trong nước	24.201.350	10,72%
	- Nước ngoài	35.100	0,02%

Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	84,141%
2	Ngân hàng TMCP Bắc Á	2900325526	Số 117 Quang Trung, TP phố Vinh, Nghệ An	11.550.000	5,118%



5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5.5. **Các chứng khoán khác:** Không có

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Dầu tuabin được bổ sung cho các ổ đỡ, ổ hướng tuabin, hệ thống điều tốc, hệ thống van đĩa ... do bị rò dầu khi vận hành trong năm 2018 với số lượng: 1.869,00 lít;
- Số lượng dầu máy biến thế sử dụng trong năm 2018 là: 200 lít.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*.

6.2. **Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 845,10 MWh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: *Không có*.

6.3. **Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2018 vào khoảng: 3,45 tỷ m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; *Không*. Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.

6.4. **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.



6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Tổng số lao động bình quân năm 2018 là: 117 người
 - Thu nhập bình quân năm 2018 là 18,7 triệu đồng/người/tháng.
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - *Chế độ làm việc:* Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.
 - *Chính sách tuyển dụng:* Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
 - *Chính sách lương thưởng và phúc lợi:* Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động
 - *Chính sách đào tạo:* Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong những năm tiếp theo.



- *Tình hình thực hiện:* Năm 2018, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Khóa đào tạo huấn luyện nghiệp vụ hướng dẫn kỹ năng điều tra sự cố, tai nạn lao động, hội nghị tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước, tập huấn công tác truyền thông và xử lý khủng hoảng truyền thông, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển đảo, đào tạo nâng cao tay nghề sửa chữa bảo dưỡng cho CBCNV, đào tạo phần mềm kế toán, tập huấn quy chế bảo vệ bí mật nhà nước và tập huấn an toàn vệ sinh lao động...với tổng kinh phí là 565,3 triệu đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua. Trong năm 2018 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cụ thể: Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc và động viên cán bộ, công nhân viên lao động làm thêm giờ ủng hộ Xuân nghĩa tình ngành Dầu khí và thực hiện chương trình an sinh xã hội, Hỗ trợ UBND xã Đồng Văn, tham dự Lễ hội Đền chín gian, Quỹ ủng hộ người nghèo năm 2018, Ủng hộ đồng bào và nhân dân Phía bắc bị ảnh hưởng Bão lụt, Ủng hộ đồng bào bản Mường Phú xã Thông Thụ, huyện Quế Phong bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3, Làm thêm Ủng hộ quỹ Tương trợ Dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủng hộ trường THPT huyện Con Cuông, Nghệ An khắc phục hậu quả cơn bão số 4...với tổng số tiền 122.2 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH 2018
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	650,35	808,17	124%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	660,46	883,23	134%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	662,09	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	221,14	3.173%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	138,44	193,87	132%

- Công ty luôn duy trì và áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Thực hành 5S.
- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.
- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa gặp thuận lợi do 2 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.
- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.
- Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

1.2. Những tiến bộ, kết quả đã đạt được

- Công tác sản xuất kinh doanh:
 - + Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện.
 - + Với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 thuận lợi, do vậy tình hình tài chính của Công ty hiện đang được đảm bảo.
- Công tác lao động tiền lương:
 - + Tổng số lao động bình quân năm 2018 là: 117 người
 - + Thu nhập bình quân năm 2018 là 18,7 triệu đồng/người/tháng.

2. Tình hình tài chính:
***) Các chỉ tiêu chính**

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	%
1	Tài sản ngắn hạn	259.358.565.978	362.743.096.925	139,86%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	149.539.905.743	78,62%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	42.000.000.000	840,00%
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	61.139.553.018	152.033.294.398	248,67%
-	Hàng tồn kho	3.011.581.323	19.094.151.105	634,02%
-	Tài sản ngắn hạn khác	-	75.745.679	-
2	Tài sản dài hạn	4.602.252.607.075	4.345.031.413.947	94,41%
-	Tài sản cố định	4.402.173.644.923	4.143.163.240.616	94,12%
-	Tài sản dở dang dài hạn	190.365.121.132	193.363.011.101	101,57%
-	Tài sản dài hạn khác	9.713.841.020	8.505.162.230	87,56%
	Tổng tài sản (1+2)	4.861.611.173.053	4.707.774.510.872	96,84%
3	Nợ phải trả	2.609.571.653.422	2.241.730.771.634	85,90%
-	Nợ ngắn hạn	545.916.722.691	621.063.415.966	113,77%
-	Nợ dài hạn	2.063.654.930.731	1.620.667.355.668	78,53%

***) Tài sản**

- Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2018, Tổng tài sản của Công ty là hơn 4.707 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 39,83%, tài sản dài hạn giảm 5,59%.
- Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 78,62%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

***) Nợ phải trả**

- Đến thời điểm 31/12/2018, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 2.240 tỷ đồng giảm so với năm 2017. Các khoản nợ của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2018, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty phát huy đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa kinh doanh, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.
- Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.
- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các biện pháp hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,64
2	Chỉ tiêu tài chính		
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	710,39
-	Tổng chi phí	Tỷ đồng	648,87
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	61,52
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	58,44
-	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,01
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL (tạm tính)	%	2,73
3	Đào tạo (320 lượt người)	Tỷ đồng	1,41
4	Giá thành	Đồng/kWh	997,3
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	158,02
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	26,98

4.2. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na an toàn, ổn định. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để thực hiện phát điện đạt doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.
- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm.
- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho để lập kế hoạch mua sắm phù hợp theo các quy định hiện hành.
- Tổ chức thực hiện công tác trung tu Nhà máy thủy điện Hủa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.
- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo thu nhập và chế độ, chính sách cho người lao động.
- Tái cấu trúc bộ máy, rà soát lại đội ngũ lao động theo hướng tinh gọn đầu mối và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Rà soát, cắt giảm, tiết giảm tối đa các khoản chi phí, chỉ thực hiện những hạng mục nào thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả thực chất.
- Làm việc với các ngân hàng về phương án giãn thời gian trả nợ, giảm lãi suất, cơ cấu nợ để cân đối dòng tiền đảm bảo đủ cho hoạt động SXKD và kế hoạch trả nợ.
- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

4.3. Giải pháp thực hiện:

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và khắc phục sự cố.
- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty****1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH 2018
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	650,35	808,17	124%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	660,46	875,06	132%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49	662,09	101%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,97	221,14	3.173%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	138,44	193,87	140%

Năm 2018 công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Kết thúc năm 2018 Nhà máy đã hoàn thành vượt sản lượng điện 24% (vượt sản lượng điện theo thiết kế), doanh thu vượt 32% so với kế hoạch.

- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định nên giảm thiểu tốt đa thiệt hại do bão lũ gây ra.
- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.
- Công tác mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt, ...



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Trong năm 2018, nhìn chung Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đầu đạt 650,64 triệu kWh, tổng doanh thu 710,39 tỷ đồng, tổng chi phí 648,87 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 61,52 tỷ đồng. Khai thác hợp lý hồ chứa để đảm bảo tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2020.

Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2019 của Công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty khi tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



- Triển khai đơn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.
- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2019 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Số cổ phần		Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	Chức danh tại Công ty khác
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	7.600	859.227.600	38,076%	Không
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	7.600	34.650.000	15,355%	Không
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	5.700	34.650.000	15,355%	Không
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	0	34.650.000	15,355%	Phó Ban TC-KT PVP
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	0	1.920.000	0,85%	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt

1.2. Các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na đã tiến hành họp thường kỳ 04 lần, ban hành 04 Nghị quyết. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch	Ngày bắt đầu 19/4/2018	4	100%
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Ngày không còn là TV HĐQT 19/4/2018	1	100%
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV		4	100%
3	Lê Xuân Tùng	TV	Ngày không còn là TV HĐQT 19/4/2018	1	100%
4	Lê Thanh Nghị	TV	Ngày không còn là TV HĐQT 19/4/2018	1	100%
5	Nguyễn Xuân Sơn	TV	Ngày bắt đầu 19/4/2018	3	100%
6	Lê Hải Long	TV	Ngày bắt đầu 19/4/2018	3	100%
7	Vũ Văn Tâm	TV	Ngày bắt đầu 19/4/2018	3	100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2018, thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một các khách quan.

1.5. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty: 5/5 thành viên

**1.6. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2018**

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2018/NQ-HĐQT-HHC	01/3/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 01 năm 2018
2	02-2018/NQ-HHC-HĐQT	08/5/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 02 năm 2018
3	03-2018/NQ-HHC-HĐQT	12/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 03 năm 2018
4	04-2018/NQ-HHC-HĐQT	30/11/2018	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2018

2. Ban kiểm soát**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	0,001%
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên BKS	0%
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên BKS	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
- Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.
- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2018 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

2.3. Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.
- Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, chi tiêu đúng mục đích, hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Hạn chế tối đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	719.028.107
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	725.420.393
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó Giám đốc	12	675.926.027
4	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	12	712.506.842
5	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc	4	283.357.622
6	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	12	639.892.423
7	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	8	410.443.498
8	Ngô Đăng Tiến	Trưởng phòng KTCN	12	517.554.332
9	Nguyễn Mạnh Hùng	CT HĐQT đến ngày 19/4/2018	4	147.708.380

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	12	36.000.000
2	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	8	25.000.000
3	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	12	24.000.000
4	Phạm Thị Minh Tâm	TV BKS	8	16.666.667
5	Lê Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	4	11.000.000
6	Lê Thanh Nghị	Thành viên HĐQT	4	11.000.000
7	Bùi Huy Thành	TV BKS	4	7.333.333
8	Vũ Thành Trung	TV BKS	4	7.333.333
9	Phạm Mạnh Đức	TV BKS	4	7.333.333



- 3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*
- 3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*
- 3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM**

Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017 là 117 người).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

	<u>Chức vụ:</u>	
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên	
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Lê Hải Long	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018)	(i)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Hội đồng quản trị số: 20/BB-HHC-HĐQT ngày 19/04/2018 V/v: Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018-2013.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ:</u>
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Lê Hải Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)
Bà Trần Thị Thu Hà	Trưởng ban (kể từ ngày 19/04/2018)
Ông Văn Tuấn Thạch	Thành viên
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên (kể từ ngày 19/04/2018)

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Ban Kiểm soát số 02/BB-HHC-BKS ngày 19/04/2018.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

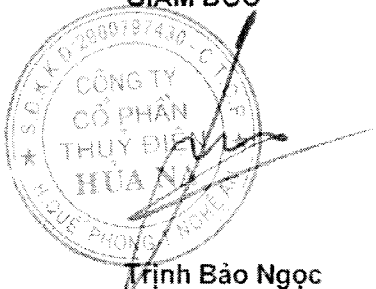
8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Trịnh Bảo Ngọc

Số: 11/2019/BCKT/PKF-NHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na được lập ngày 04 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục 7.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó, nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại Thuyết minh số 5.14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" (mã số 414) trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD), kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.743.096.925	259.358.565.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	149.539.905.743	190.207.431.637
1. Tiền	111		32.181.882.246	69.432.883.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.358.023.497	120.774.548.310
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.033.294.398	61.139.553.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	134.826.960.210	52.906.810.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.265.057.529	4.759.297.128
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.941.276.659	3.473.445.450
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	19.094.151.105	3.011.581.323
1. Hàng tồn kho	141		19.094.151.105	3.011.581.323
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.745.679	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.745.679	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.345.031.413.947	4.602.252.607.075
II. Tài sản cố định	220	5.7	4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
- Nguyên giá	222		5.670.260.285.860	5.666.686.174.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.527.097.045.244)	(1.264.512.529.544)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.363.011.101	190.365.121.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	193.363.011.101	190.365.121.132
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.505.162.230	9.713.841.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	407.593.789	1.296.889.333
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.097.568.441	8.416.951.687
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

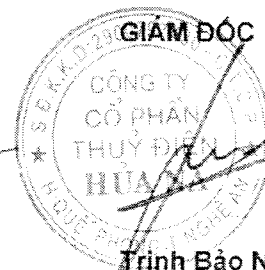
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.241.730.771.634	2.609.571.653.422
I. Nợ ngắn hạn	310		621.063.415.966	545.916.722.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	81.552.258.752	111.261.103.681
2. Người mua trả tiền trước hạn	312		170.213.022	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	20.144.182.276	8.474.883.607
4. Phải trả người lao động	314		10.182.256.584	7.958.450.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	24.772.134.882	19.324.370.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	23.019.164.498	10.490.812.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	459.379.893.124	388.383.720.826
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.843.312.828	23.381.418
II. Nợ dài hạn	330		1.620.667.355.668	2.063.654.930.731
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	275.500.000	306.580.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.620.391.855.668	2.063.348.350.731
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.673.153.617	(75.331.065.990)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.321.670.157)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		215.994.823.774	15.883.703.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trịnh Bảo Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	875.057.646.614	653.292.086.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		875.057.646.614	653.292.086.795
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	419.698.529.739	386.791.143.899
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		455.359.116.875	266.500.942.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.364.044.959	3.072.956.372
7. Chi phí tài chính	22	6.4	216.682.067.042	232.566.779.120
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		210.521.645.223	232.566.779.120
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	25.527.286.984	20.756.368.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		220.513.807.808	16.250.751.916
11. Thu nhập khác	31		813.054.067	2.952.000
12. Chi phí khác	32		184.385.924	370.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		628.668.143	(367.048.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		221.142.475.951	15.883.703.916
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	3.726.402.177	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.416.073.774	15.883.703.916
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	957	62
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.7	957	62

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	221.142.475.951	15.883.703.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	263.562.442.692	267.555.134.657
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.505.195.867)	(3.072.956.372)
- Chi phí lãi vay	06	210.521.645.223	232.566.779.120
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	687.721.367.999	512.932.661.321
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(90.969.487.059)	1.669.130.178
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.763.186.536)	(3.011.581.323)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.201.345.243	958.240.655
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	889.295.544	4.505.990.049
- Tiền lãi vay đã trả	14	(203.034.815.144)	(227.815.942.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(680.941.294)	(148.439.655)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	163.657.299
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	2.343.139.297	(182.101.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	404.706.718.050	289.071.614.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.375.102.981)	(135.301.932.753)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	141.150.908	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.820.030.894	2.077.448.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(73.413.921.179)	(128.224.484.058)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.423.398.061	140.839.472.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(378.383.720.826)	(231.177.311.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(371.960.322.765)	(90.337.839.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(40.667.525.894)	70.509.291.512
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	190.207.431.637	119.698.140.125
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	149.539.905.743	190.207.431.637

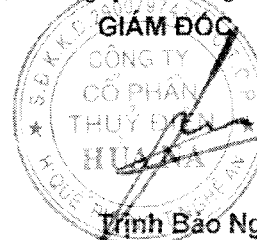
Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017: 117 người).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: chi phí sửa chữa bảo dưỡng nhà máy, chi phí hội thảo, dịch vụ quản lý, thiết bị vật tư và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm : chi phí bảo hiểm, lãi vay dự trả, chi phí phải trả các nhà thầu,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia. Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	172.069.502	100.742.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.009.812.744	69.332.141.177
Các khoản tương đương tiền (*)	117.358.023.497	120.774.548.310
Cộng	149.539.905.743	190.207.431.637

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực VN	134.763.945.810	52.906.810.440
Phải thu khách hàng khác	63.014.400	-
Cộng	134.826.960.210	52.906.810.440

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	-	841.120.828
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật ĐLDK Việt Nam	42.847.144	171.231.898
Các đối tượng khác	3.901.406.385	1.426.140.402
Cộng	6.265.057.529	4.759.297.128

5.4. Phải thu khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	10.941.276.659	3.473.445.450
Tạm ứng	53.546.317	584.424.155
Lãi dự thu	898.903.769	389.723.367
Hội đồng Bồi thường và TĐC Công trình thủy điện Hủa Na	831.723.620	1.986.507.811
Phải thu khác	9.157.102.953	512.790.117
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.941.276.659	3.473.445.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HƯA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-
Cộng	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	407.593.789	1.296.889.333
Thiết bị, vật tư và chi phí khác	407.593.789	1.296.889.333
Cộng	407.593.789	1.296.889.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.312.817.934.454	1.342.096.993.919	7.375.940.420	4.395.305.674	5.666.686.174.467
Mua sắm mới	-	586.249.500	2.314.600.000	694.846.835	3.595.696.335
XDCB hoàn thành bàn giao	1.116.329.094	-	-	-	1.116.329.094
Thanh lý, nhượng bán	-	(268.210.400)	(869.703.636)	-	(1.137.914.036)
Số dư cuối năm	4.313.934.263.548	1.342.415.033.019	8.820.836.784	5.090.152.509	5.670.260.285.860
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	905.057.233.721	348.836.895.753	7.223.043.440	3.395.356.630	1.264.512.529.544
Khấu hao trong năm	173.030.468.333	89.794.297.849	170.940.904	577.640.363	263.573.347.449
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.128.113)	(869.703.636)	-	(988.831.749)
Số dư cuối năm	1.078.087.702.054	438.512.065.489	6.524.280.708	3.972.996.993	1.527.097.045.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	3.407.760.700.733	993.260.098.166	152.896.980	999.949.044	4.402.173.644.923
Số dư cuối năm	3.235.846.561.494	903.902.967.530	2.296.556.076	1.117.155.516	4.143.163.240.616

Trong đó:

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.831.412.887 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.463.370.705 VND).

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng công trình thủy điện Hứa Na	19.286.269.449	24.509.238.768
Chi phí thiết bị	422.946.649	422.946.649
Chi phí XD/CB khác	173.345.354.731	158.676.234.481
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	308.440.272	6.756.701.234
Cộng	193.363.011.101	190.365.121.132

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	81.552.258.752	81.552.258.752	111.261.103.681	111.261.103.681
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hứa Na - Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	46.480.885.494	54.980.885.494	54.980.885.494
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1	87.778.000	87.778.000	5.311.234.892	5.311.234.892
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	20.226.382.739	32.300.822.607	32.300.822.607
Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam	2.776.464.000	2.776.464.000	-	-
Công ty CP DV kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	195.357.355	195.357.355	4.088.834.164	4.088.834.164
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438	12.646.438	12.646.438
Các đối tượng khác	11.772.744.726	11.772.744.726	14.566.680.086	14.566.680.086
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	81.552.258.752	81.552.258.752	111.261.103.681	111.261.103.681

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

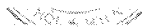
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	01/01/2018 (VND)	Phát sinh trong năm		31/12/2018 (VND)
		Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	
Thuế giá trị gia tăng	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033	143.700.469
- Thuế GTGT đầu ra	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033	143.700.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.726.402.177	680.941.294	3.045.460.883
Thuế thu nhập cá nhân	50.313.611	699.679.639	529.032.874	220.960.376
Thuế tài nguyên	-	70.036.843.602	70.036.843.602	-
Tiền thuế đất	-	1.278.000	1.278.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	3.620.629.400	29.306.673.288	27.725.409.140	5.201.893.548
Các loại thuế khác	2.765.425.343	8.769.741.657	3.000.000	11.532.167.000
Cộng	8.474.883.607	193.873.865.612	182.204.566.943	20.144.182.276

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN HUA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.11. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	24.772.134.882	19.324.370.363
Chi phí bảo hiểm	907.718.200	879.620.745
Lãi vay dự trả	20.862.466.406	13.375.636.327
Chi phí phải trả các nhà thầu	2.480.756.006	4.411.042.291
Chi phí phải trả khác	521.194.270	658.071.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	24.772.134.882	19.324.370.363

5.12. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	23.019.164.498	10.490.812.450
Kinh phí công đoàn	51.943.629	13.568.153
Đoàn phí công đoàn	21.338.016	10.622.692
Thuế tài nguyên, thuế VAT và tiền môi trường rừng tạm tính chưa kê khai (*)	10.174.960.896	10.281.321.535
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	151.911.670	185.300.070
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.619.010.287	-
b) Dài hạn	275.500.000	306.580.000
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	275.500.000	306.580.000
Cộng	23.294.664.498	10.797.392.450

(*) Tại ngày 31/12/2018, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 12/2018 nhưng chưa đến kỳ kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
b) Vay dài hạn đến hạn trả	452.956.495.063	452.956.495.063	442.956.495.063	371.908.387.608	381.908.387.608	381.908.387.608
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam- CN Nghệ An	331.250.816.503	331.250.816.503	331.250.816.503	308.079.364.000	308.079.364.000	308.079.364.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	33.253.678.560	33.253.678.560	33.253.678.560	12.877.023.608	12.877.023.608	12.877.023.608
- Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hà Nội	52.500.000.000	52.500.000.000	42.500.000.000	15.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	459.379.893.124	459.379.893.124	449.379.893.124	378.383.720.826	388.383.720.826	388.383.720.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	833.008.926.076	833.008.926.076	-	331.250.816.503	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	161.799.118.976	161.799.118.976	-	35.952.000.000	197.751.118.976	197.751.118.976
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	260.599.250.616	260.599.250.616	-	33.253.678.560	293.852.929.176	293.852.929.176
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	364.984.560.000	364.984.560.000	-	42.500.000.000	407.484.560.000	407.484.560.000
Cộng	1.620.391.855.668	1.620.391.855.668	-	442.956.495.063	2.063.348.350.731	2.063.348.350.731

(1): Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hủa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (Phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19 tháng 10 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án xây dựng công trình thủy điện Hủa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến tháng 02 năm 2018 (Phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03 tháng 2 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

(2): Ngày 05 tháng 3 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na công suất 180MW. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371.216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

(3): Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng số tiền cho vay vốn là 328.784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm thuế giá trị gia tăng và lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình công biên độ 4,2%/năm (ngày 19 tháng 6 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (9,7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả 6 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

(4): Ngày 17 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình công biên độ 4,2%/năm (ngày 19 tháng 6 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (9,7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả 6 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng lên sau điều chỉnh Tổng mức đầu tư của dự án nhà máy thủy điện Hủa Na, cụ thể: chi phí xây dựng, thiết bị; Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Tái định cư của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả thành 20 kỳ, bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026, gốc và lãi vay trả 6 tháng/lần, lãi suất năm thứ nhất: 7%/năm; Năm thứ 2: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biến độ 1,5%/năm; Năm thứ 3: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biến độ 2,2%/năm (9,07%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018). Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

5.14. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quý đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
Lãi trong năm	-	-	-	15.883.703.916	15.883.703.916
Số dư tại ngày 01/01/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(75.331.065.990)	2.252.039.519.631
Lãi trong năm	-	-	-	217.416.073.774	217.416.073.774
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(3.411.854.167)	(3.411.854.167)
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	138.673.153.617	2.466.043.739.238

Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "... Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64,9 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và đã được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỨA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Chữ sở hữu/Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 (VND)	%	Vốn đã góp 31/12/2018 (VND)	Vốn đã góp 01/01/2018 (VND)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	1.898.727.600.000
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	87.200.273.444
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	105.000.000.000
Các cổ đông khác	50.164.230.000	2,23%	50.164.230.000	50.164.230.000
Cộng	2.256.592.100.000	100%	2.256.592.103.444	2.256.592.103.444

Cổ phiếu

Toàn bộ 225.659.210 cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đang được lưu hành, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu điện phát lưới	875.057.646.614	653.292.086.795
Cộng	875.057.646.614	653.292.086.795

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn phát điện	419.698.529.739	386.791.143.899
Cộng	419.698.529.739	386.791.143.899

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi	7.364.044.959	3.072.956.372
Cộng	7.364.044.959	3.072.956.372

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền vay	210.521.645.223	232.566.779.120
- Chi phí tài chính khác	6.160.421.819	-
Cộng	216.682.067.042	232.566.779.120

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	13.402.814.204	12.518.293.212
Chi phí vật liệu quản lý	620.581.255	639.090.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	916.255.327	1.150.336.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.121.683.103	1.102.333.962
Chi phí khác bằng tiền	8.465.953.095	5.346.314.090
Cộng	25.527.286.984	20.756.368.232

6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	221.142.475.951	15.883.703.916
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau	147.059.005.196	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	444.572.783	-
Thu nhập tính thuế	74.528.043.538	-
Thuế suất được ưu đãi	5%	5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước (*)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.726.402.177	-

(*): Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho 09 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Trong năm 2018, Công ty có số lỗ còn được chuyển từ các kỳ trước sang là: 147.059.005.196 đồng, các khoản chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN năm 2018 là: 444.572.783 đồng, thu nhập tính thuế là: 74.528.043.538 đồng. Thuế TNDN tạm tính năm 2018 là: 3.726.402.177 đồng.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6.7 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	217.416.073.774	15.883.703.916
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.421.250.000	1.990.604.167
Lãi/lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	215.994.823.774	13.893.099.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	225.659.210	225.659.210
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	957	62

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2017 là 1.990.604.167 đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018.

Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2018 là 1.421.250.000 đồng theo Quyết định Hội đồng quản trị Số 97/QĐ-HHC-HĐQT ngày 12/11/2018.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.702.157.908	7.065.218.761
Chi phí nhân công	29.970.854.574	28.297.669.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.562.442.692	267.555.134.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.198.167.624	18.701.785.063
Chi phí thuế tài nguyên và môi trường rừng	107.389.475.172	74.702.647.173
Chi phí khác (tất cả các chi phí khác ngoài 5 loại trên)	15.402.718.753	11.225.057.185
Cộng	445.225.816.723	407.547.512.131

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là phát điện lưới, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh tại khu vực Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 -- DN

7.2 Thông tin hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn.

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Phí bảo lãnh	6.160.421.819	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.160.421.819	-
Trả vốn vay	12.877.023.608	9.177.023.608
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.877.023.608	9.177.023.608
Mua hàng	3.551.951.917	12.239.529.312
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	3.551.951.917	12.239.529.312

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2018 như sau:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản vay	293.852.929.176	306.729.952.784
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	293.852.929.176	306.729.952.784
Các khoản phải trả	20.434.386.532	36.402.303.209
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	195.357.355	4.088.834.164
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	32.300.822.607
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438

Thu nhập của các thành viên của HĐQT/HĐTV, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc/Tổng giám đốc:

Nội dung	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	4.905.286.329	3.253.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, trong đó có một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính, Các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Chi tiết số liệu điều chỉnh hồi tố cho một số chỉ tiêu được trình bày chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2017 trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số liệu tại ngày 01/01/2018 trên báo cáo tài chính năm nay
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	50.141.385.097	2.765.425.343	52.906.810.440
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.064.127.657	409.317.793	3.473.445.450
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.320.804.000)	2.320.804.000	-
Tài sản cố định hữu hình	221	4.485.866.214.190	(83.692.569.267)	4.402.173.644.923
<i>Nguyên giá</i>	222	5.754.040.117.609	(87.353.943.142)	5.666.686.174.467
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223	(1.268.173.903.419)	3.661.373.875	(1.264.512.529.544)
Chi phí XD cơ bản dở dang	242	119.578.756.653	70.786.364.479	190.365.121.132
Nguồn vốn				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	129.485.440.210	(18.224.336.529)	111.261.103.681
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	4.052.700.398	4.422.183.209	8.474.883.607
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.531.013.847	(40.201.397)	10.490.812.450
LN sau thuế chưa phân phối	412	(81.762.763.055)	6.431.697.065	(75.331.065.990)
<i>LN sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	(91.214.769.906)	-	(91.214.769.906)
<i>LN sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

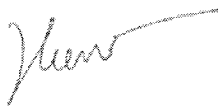
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	650.526.661.452	2.765.425.343	653.292.086.795
Giá vốn hàng bán	11	388.136.611.621	(1.345.467.722)	386.791.143.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.077.172.232	(2.320.804.000)	20.756.368.232
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.819.054.851	6.431.697.065	16.250.751.916
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	20	62

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
2. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.216.508.532	(3.661.373.875)	267.555.134.657
3. Các khoản dự phòng	03	2.320.804.000	(2.320.804.000)	-
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.843.873.314	(3.174.743.136)	1.669.130.178
5. Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.766.983.291)	2.725.223.946	958.240.655

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trịnh Bảo Ngọc